BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3117 /QĐ-BNN-TY	*Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(có Phụ lục kèm theo).*

Các thủ tục được công bố theo Quyết định này được ban hành tại Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2022.

1. Bãi bỏ các nội dung công bố được quy định tại Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thú y, gồm:

a) Các nội dung tại Phần I (Danh mục thủ tục hành chính): Số thứ tự 48, 49 Mục A (Thủ tục hành chính cấp trung ương);

b) Các nội dung tại Phần II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính): Số thứ tự 48, 49 Mục A (Thủ tục hành chính cấp trung ương).

2. Bãi bỏ các nội dung công bố được quy định tại Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm:

a) Các nội dung tại Phần I (Danh mục thủ tục hành chính): Số thứ tự 39, 41, 42, 43, 44, 45, 47, 48 Mục A (Thủ tục hành chính cấp trung ương);

b) Các nội dung tại Phần II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính): Số thứ tự 39, 41, 42, 43, 44, 45, 47, 48 Mục A (Thủ tục hành chính cấp trung ương).

3. Bãi bỏ các nội dung công bố có số thứ tự 30, 31, 33, 35, 36, 37, 39, 43 Phần A (Thủ tục hành chính cấp trung ương) Phụ lục kèm theo Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Thực hiện quy định chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Điều 3. Đính chính mức phí "Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/cơ sở/01 lần" đối với thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã số 1.008126) và thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã số 1.008127) được công bố tại Quyết định số 2732/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nội dung đính chính này là một phần không tách rời và có hiệu lực đồng thời với Quyết định số 2732/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng

Cục Thú y, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ trưởng các Tổng cục, Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm Tin học và Thống kê (Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT);
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TY.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Phùng Đức Tiến

.

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TY ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.003728	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền
2	1.003767	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Cục Thú y
3	2.001568	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền
4	2.001558	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền
5	2.001544	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý

		bưu điện			chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền
6	2.001524	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Cục Thú y
7	2.001515	Cấp Giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền
8	1.003478	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền
9	2.001542	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	2.001533	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; động vật thủy sản biểu diễn nghệ thuật	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Thú y	- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu đối với nhập khẩu; - Cơ quan kiểm dịch địa

					phương đối với vận chuyển ra khỏi tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Trong nội dung, phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung)

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản, chủ hàng có nhu cầu kiểm dịch gửi 01 bộ hồ sơ đến Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng trực thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền.

Bước 2: Tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ, nếu chưa hợp lệ thì đề nghị chủ hàng hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

- Kiểm tra số lượng, chủng loại, bao gói động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Kiểm tra lâm sàng đối với động vật thủy sản; kiểm tra cảm quan, điều kiện bảo quản, thực trạng hàng hóa đối với sản phẩm động vật thủy sản;

- Lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc của chủ hàng (nếu có), trừ các chỉ tiêu bệnh đã được công nhận an toàn dịch đối với cơ sở nuôi nơi xuất xứ của động vật thủy sản;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cục Thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch phải thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chủ hàng hoặc nước nhập khẩu không yêu cầu kiểm dịch: Chủ hàng phải thực hiện kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

Chủ hàng chịu trách nhiệm về việc kiểm dịch đối với hàng hóa xuất khẩu, không phải nộp cho cơ quan hải quan Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với lô hàng xuất khẩu để thông quan hàng hóa.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Bản chụp Giấy phép xuất khẩu thủy sản do Tổng cục Thủy sản cấp, có xác nhận của doanh nghiệp (đối với các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng trực thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu số 08 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-

BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thuỷ sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng ..... năm ……..

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,

SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax.....Email .....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:……Ngày cấp…/…/…..Tại……

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Tạm xuất tái nhập

☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)……

☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

1. Nơi sản xuất: .....
2. Loại bao bì, quy cách đóng gói: .....
3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr ...)*: .....
4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu: .....
5. Nước xuất khẩu/ nhập khẩu: ….....
6. Nước quá cảnh *(nếu có)*:…….....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Cửa khẩu nhập: .....
9. Phương tiện vận chuyển: .....
10. Mục đích sử dụng: .....
11. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y: Số …../TY-KDTS, ngày….tháng…..năm……..
12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:….. .....…….
13. Địa điểm nuôi trồng *(nếu có)*: .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Địa điểm giám sát *(nếu có)*: .....
16. Thời gian giám sát: .....

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....….....

.....….....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....….... giờ, ngày …..... tháng ..…... năm .....…...

Vào sổ số .....…....., ngày ..... *tháng* ..... *năm* ….....

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN *(nếu có):*

…….....

……

.....….....

....., ngày …….. tháng ..... năm .....…....

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU .....….....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALISTREPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 08 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS
Số: ...../CN-TSXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....
Name and address of exporter: .....
Tel: ……..Fax: ……Email: ……...…...……...
Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....
Name and address of consignee: .....
Tel: ……..Fax: ……Email: ……...…....……

STT *Number*	Tên thương mại *Trade name*	Tên khoa học *Scientific name*	Số lượng *Quantity*	Trọng lượng *Net weight*
		Tổng số (*Total*)		

Mục đích sử dụng: ☐ Thực phẩm (*Human consumption*) ☐ Làm giống *(Transplantation: Egg, Gametes etc)*
Use: ☐ Làm cảnh *(Ornamental)* ☐ Nghiên cứu và thí nghiệm *(Research&laboratory)*
☐ Khác *(Other)*: ……
Quy cách đóng gói: ……..... Số lượng bao gói: …….....
Type of packaged: *Number of packaged:*
Nước/địa phương xuất hàng: ……/……..…….. Cửa khẩu xuất: ……..……....
Exporting country/locality: *Declared point of exit:*
Phương tiện vận chuyển:..... Nước nhập hàng: ……..……
Means of transport: *Importing country:*

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:

☐ Số động vật thủy sản trên đã được kiểm tra; động vật khỏe mạnh, âm tính với các bệnh.
The aquatic animals described above were examined; animals are healthy, negative with the following diseases:
.....
.....

☐ Số sản phẩm động vật thủy sản trên đã được kiểm tra, đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.
The aquatic animal products described above were examined, meet the veterinary hygiene standards.

Giấy có giá trị đến: ...../...../..... *Valid up to*	Giấy này làm tại ....……..... ngày ...../...../…….. *Issued at* *on*
Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)* ***Animal Quarantine Officer*** *(Signature, full name)*	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* **DIRECTOR** *(Signature, stamp, full name)*

2. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Cục Thú y.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Thú y căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu; có văn bản đồng ý kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch cửa khẩu qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia). Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ lần đầu tiên đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam hoặc từ quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao về dịch bệnh động vật phải được Cục Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 của Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo Mẫu 02 TS Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có nguồn gốc từ những quốc gia, vùng lãnh thổ chưa có thỏa thuận về mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch với Việt Nam);

- Bản sao Giấy phép CITES có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES);

- Bản chụp Giấy phép nhập khẩu do Tổng cục Thủy sản cấp, có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật thủy sản không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản đồng ý kiểm dịch.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo Mẫu 02 TS Phụ lục V ban hành kèm theo 26/2016/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành sửa đổi Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

CÔNG TY …….....…….....…. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Địa chỉ: …….....……..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tel: …….....…….....

Fax: …….....…....…… *....., ngày……tháng……..năm 20..... ..*

Email: .....

Số: ……..

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU **Mẫu 02 TS**

ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty……., đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty kiểm dịch nhập khẩu số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm(*)	Số lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

- Tên Công ty xuất khẩu:…….....

Địa chỉ:…… .....

- Tên cơ sở nuôi/sản xuất giống/cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật thủy sản tại nước xuất khẩu:……

Mã số:……

Địa chỉ:…… .....

- Cửa khẩu nhập:……

- Thời gian thực hiện:……..……..……

- Mục đích sử dụng:……...……...……

- Tên và địa chỉ nơi cách ly kiểm dịch động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu : .....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:……....……..

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị ghi rõ: Tên, số lượng, nước xuất xứ, cửa khẩu nhập của từng loài động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản.

- Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trù nhập khẩu trong 06 tháng.

- (*) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi Cục Thú y có văn bản đồng ý, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trước khi hàng đến cửa khẩu nhập.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch đông vật quyết định và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch.

- Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch;

- Nơi cách ly kiểm dịch được bố trí tại địa điểm bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, được cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra và giám sát trong thời gian nuôi cách ly kiểm dịch.

Trường hợp động vật thủy sản nuôi ở lồng, bè trên biển thì phải được nuôi cách ly ở lồng, bè cách biệt với khu vực nuôi trồng thủy sản; nếu động vật thủy sản nuôi tại cơ sở trên đất liền phải được nuôi cách ly ở bể, ao riêng biệt.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu có trách nhiệm kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y bảo đảm điều kiện để cách ly kiểm dịch và thông báo kết quả kiểm tra cho chủ hàng, Cục Thú y qua thư điện tử hoặc fax, sau đó gửi bản chính.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm dịch theo nội dung quy định tại Điều 47 Luật Thú y;

- Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống: lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: chỉ lấy mẫu xét nghiệm bệnh nếu phát hiện động vật có dấu hiệu mắc bệnh được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Đối với sản phẩm động vật thủy sản: kiểm tra thực tế hồ sơ và hàng hóa tại cửa khẩu nhập hoặc tại nơi tập kết hàng. Nếu đáp ứng yêu cầu thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu (Mẫu 09TS) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng (kho bảo quản của chủ hàng phải bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y). Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa và không được đưa hàng đi tiêu thụ khi chưa có kết quả kiểm dịch.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không thể lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc tại nơi tập kết hàng thì cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh phải được lưu giữ tại

cửa khẩu nhập đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

- Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu sau khi kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sảnxuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-

BNNPTNT;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp nộp bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu khi kiểm tra hàng hóa;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu sau khi kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mẫu 10 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng ..... năm ……...

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,

SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax.....Email .....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:……Ngày cấp…/…/…..Tại……
Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Tạm xuất tái nhập
☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)……
☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

1. Nơi sản xuất: .....
2. Loại bao bì, quy cách đóng gói: .....
3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...): .....
4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu: .....
5. Nước xuất khẩu/ nhập khẩu: ….....
6. Nước quá cảnh (nếu *có)*:…….....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Cửa khẩu nhập: .....
9. Phương tiện vận chuyển: .....
10. Mục đích sử dụng: .....
11. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y: Số …../TY-KDTS, ngày….tháng…..năm……
12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:….. .....……..
13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có): .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Địa điểm giám sát (nếu có): .....
16. Thời gian giám sát: .....
17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....

.....….....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....….... giờ, ngày …..... tháng ..…... năm .....…...

Vào sổ số .....…....., ngày ..... *tháng* ..... *năm* ……....

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN *(nếu có):*

…….....

……

.....….....

....., ngày ……. tháng ..... năm .....…....

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU .....….....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 09 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THUỶ SẢN NHẬP KHẨU
Số: ...../CN-VCTSNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....…….....….....
Địa chỉ giao dịch:.....…….....
Điện thoại: ..... Fax: .....Email: …….....
Nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:……
Quy cách đóng gói/bảo quản: ……Số lượng bao gói: .....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: ….....
.....
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:……
……
Vùng/nước xuất khẩu: ...../.....Nước quá cảnh:.....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: .....Thời gian nhập:...../...../.....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....
.....

CHỨNG NHẬN

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Thực trạng sức khỏe động vật thủy sản/điều kiện vệ sinh thú y của sản phẩm thủy sản khi nhập khẩu:……
3.Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ .....
4. Được phép vận chuyển số hàng trên về:……
Địa chỉ:……
.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số hàng trên phải được vận chuyển đến địa điểm nêu trên trước ngày ……/ …./ …….....
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình: .....
.....
3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển.

Giấy có giá trị đến ...../...../..... — *Cấp tại ....., ngày ...../...../.....*

Kiểm dịch viên động vật — **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên) — *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Kích thước cá thể đối với thuỷ sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thuỷ sản.

TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 10 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU

Số: ...../CN-TSNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: …….
Địa chỉ giao dịch: …….
Điện thoại: …… Di động: …… Fax: ……..
Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm (1)	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:……
Quy cách đóng gói/bảo quản: ……..Số lượng bao gói: .....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: ……
……
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:……
……
Vùng/nước xuất khẩu: ……/…… Nước quá cảnh:……
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: ……Thời gian nhập:……/……/……
Hồ sơ giấy tờ có liên quan: ……
……
Nơi chuyển đến: ……
……

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên:
1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;
2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số: ……/……ngày……/……/…… của ……*(2)*…… (*gửi kèm bản sao, nếu có)*.
4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau: ……
……
5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ……nồng độ ……

Giấy có giá trị đến ngày ……/……/……	*Cấp tại ……, ngày ……/……/……*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thuỷ sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thuỷ sản;
- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản mang theo người, gửi qua đường bưu điện; chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch xuất khẩu theo quy định đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu

chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

- Đối với động vật thuỷ sản: Kiểm tra lâm sàng, lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

- Đối với sản phẩm động vật thuỷ sản: Kiểm tra cảm quan, lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

Bước 3: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì phải thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Hướng dẫn chủ hàng thực hiện nuôi giữ thuỷ sản, bao gói sản phẩm thuỷ sản theo quy định, niêm phong hoặc đánh dấu hàng gửi; xử lý động vật, sản phẩm động vật thuỷ sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để xuất khẩu.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ.

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Bản chụp Giấy phép xuất khẩu thủy sản do Tổng cục Thủy sản cấp, có xác nhận của doanh nghiệp (đối với các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian kiểm dịch;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch phải thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng trực thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu số 08 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu số 08 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng ..... năm ……...

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,

SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax.....Email .....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:……Ngày cấp…/…/…..Tại……
Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Tạm xuất tái nhập

☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)……

☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

1. Nơi sản xuất: .....
2. Loại bao bì, quy cách đóng gói: .....
3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr ...)*: .....
4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu: .....
5. Nước xuất khẩu/ nhập khẩu: ….....
6. Nước quá cảnh *(nếu có)*:…….....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Cửa khẩu nhập: .....
9. Phương tiện vận chuyển: .....
10. Mục đích sử dụng: .....
11. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y: Số …../TY-KDTS, ngày….tháng…..năm……..
12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:….. .....…….
13. Địa điểm nuôi trồng *(nếu có)*: .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Địa điểm giám sát *(nếu có)*: .....
16. Thời gian giám sát: .....
17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....….. giờ, ngày …..... tháng ..…... năm .....…...

Vào sổ số .....…....., ngày ..... *tháng* ..... *năm* ……....

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN *(nếu có):*

…….....

……

.....….....

....., ngày ……..... tháng ..... năm .....…....

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU .....….....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALISTREPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 08 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS
Số: ...../CN-TSXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....
Name and address of exporter: .....
Tel: ……..Fax: ……Email: ……...…...……...

Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....
Name and address of consignee: .....
Tel: ……..Fax: ……Email: ……..…....…….

STT *Number*	Tên thương mại *Trade name*	Tên khoa học *Scientific name*	Số lượng *Quantity*	Trọng lượng *Net weight*
		Tổng số (*Total*)		

Mục đích sử dụng: ☐ Thực phẩm (*Human consumption*) ☐ Làm giống (*Transplantation: Egg, Gametes etc*)
Use: ☐ Làm cảnh (*Ornamental*) ☐ Nghiên cứu và thí nghiệm (*Research&laboratory*)
☐ Khác (*Other*): ……
Quy cách đóng gói: ……..... Số lượng bao gói: …….....
Type of packaged: *Number of packaged:*
Nước/địa phương xuất hàng: ……/……..…….. Cửa khẩu xuất: ……..……....
Exporting country/locality: *Declared point of exit:*
Phương tiện vận chuyển:..... Nước nhập hàng: ……..……
Means of transport: *Importing country:*

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:

☐ Số động vật thủy sản trên đã được kiểm tra; động vật khỏe mạnh, âm tính với các bệnh.
The aquatic animals described above were examined; animals are healthy, negative with the following diseases:
.....
.....

☐ Số sản phẩm động vật thủy sản trên đã được kiểm tra, đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.
The aquatic animal products described above were examined, meet the veterinary hygiene standards.

Giấy có giá trị đến: ...../...../..... *Valid up to*	Giấy này làm tại ....……..... ngày ...../...../…….. *Issued at* *on*
Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)* ***Animal Quarantine Officer*** *(Signature, full name)*	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* **DIRECTOR** *(Signature, stamp, full name)*

5. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thuỷ sản không vì mục đích kinh doanh, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch nhập khẩu đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

- Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; đối chiếu chủng loại, số lượng, khối lượng hàng thực nhập;

- Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện nuôi giữ động vật thuỷ sản; bao gói, bảo quản sản phẩm động vật thuỷ sản;

- Trường hợp phát hiện động vật thủy sản không có trong Danh mục các loài thủy sản nhập khẩu thông thường, động vật thủy sản mắc bệnh, sản phẩm động vật thủy sản có biểu hiện biến chất, không đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y, xử lý tiêu huỷ hoặc trả về nước xuất khẩu;

- Sau khi kiểm tra, động vật thủy sản khỏe mạnh, sản phẩm động vật thủy sản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; được nuôi giữ, bao gói, bảo quản theo quy định, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu để chủ hàng làm thủ tục hải quan, bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp nộp bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu khi kiểm tra hàng hóa.

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thuỷ sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua bưu điện: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mẫu 10 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thuỷ sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng ..... năm ……....

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,

SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....….....

Địa chỉ: .....….....

Điện thoại: ..... Fax.....Email .....….....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:……Ngày cấp…/…/…..Tại……
Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Tạm xuất tái nhập
☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)……
☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

18.Nơi sản xuất: .....….....

19.Loại bao bì, quy cách đóng gói: .....

20.Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr ...)*: .....

21.Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu: .....

22.Nước xuất khẩu/ nhập khẩu: ….....

23.Nước quá cảnh *(nếu có)*:…….....

24.Cửa khẩu xuất: .....….....

25.Cửa khẩu nhập: .....….....

26.Phương tiện vận chuyển: .....….....

27.Mục đích sử dụng: .....….....

28.Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y: Số …../TY-KDTS, ngày….tháng…..năm……..

29.Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:….. .....……..

30.Địa điểm nuôi trồng *(nếu có)*: .....….....

31.Thời gian kiểm dịch: .....….....

32.Địa điểm giám sát *(nếu có)*: .....….....

33.Thời gian giám sát: .....….....

34.Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....….....

.....….....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....….. giờ, ngày …..... tháng ..….. năm .....…..

Vào sổ số .....…....., ngày ..... *tháng* ..... *năm* ….....

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN *(nếu có):*

…….....

……

.....….....

....., ngày …….. tháng ..... năm .....…....

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU .....….....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 10 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU
Số: ...../CN-TSNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: …….…….…….
Địa chỉ giao dịch: …….…….
Điện thoại: …… Di động: …… Fax: …….……..
Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm (1)	Số lượng/ Trọng lượng

			Tổng số	

Mục đích sử dụng:……..…….....……..……
Quy cách đóng gói/bảo quản: ……..…….……..Số lượng bao gói: .....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: ….....
.....….....
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:…….……
……..……
Vùng/nước xuất khẩu: ...../..... Nước quá cảnh:.....….....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: .....….....Thời gian nhập:...../…..../….....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....…….
.....
Nơi chuyển đến: ...…….....…….....
.....……..... …….....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên:
1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;
2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:
...../……..…ngày...../...../…..... của ……*(2)*…..…… (*gửi kèm bản sao, nếu có)*.
4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau: ……..……
……
5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....…….…….....nồng độ ……....

Giấy có giá trị đến ngày ...../...../……..	*Cấp tại ....., ngày ...../...../….....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

6. Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

Ghi chú:
- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thuỷ sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thuỷ sản;
- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Bước 1: Khi có yêu cầu nhận mẫu bệnh phẩm từ nước ngoài gửi vào Việt Nam hoặc gửi mẫu bệnh phẩm từ Việt Nam ra nước ngoài, chủ hàng phải gửi 01 đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 06 TS ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư này đến Cục Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin

một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đăng ký hợp lệ, Cục Thú y trả lời chủ hàng bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản theo Mẫu 06 TS ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đăng ký hợp lệ, Cục Thú y trả lời chủ hàng bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

g) Phí, lệ phí: Không quy định

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản theo Mẫu 06 TS ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Tên tổ chức, cá nhân …….....…	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Địa chỉ: …….....……....……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tel: …….....……....……
Fax: …….....…....……. ....., *ngày…… tháng ……năm 20… ..*
Email: .....
Số: ……/ ……

Mẫu 06 TS

ĐĂNG KÝ GỬI/NHẬN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Thú y

*……(Tên tổ chức, cá nhân)……*đề nghị Cục Thú y hướng dẫn việc gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản, chi tiết như sau:

STT	Tên mẫu bệnh phẩm	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính
		Tổng số		

- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm:…….....

Địa chỉ: …… .....

- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm:……

Địa chỉ: …… .....

- Cửa khẩu nhập/xuất:……

- Thời gian thực hiện:……..……..

- Mục đích sử dụng:……...……..…….

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:…….....…..…..…..…….

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

Tổ chức, cá nhân đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

7. Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Cục Thú y, chủ hàng đăng ký cấp Giấy chứng nhận mẫu bệnh phẩm thuỷ sản với Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Trong 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

- Kiểm tra văn bản chấp thuận của Cục Thú y và các giấy tờ liên quan; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu bệnh phẩm;

- Cấp giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm có hồ sơ hợp lệ; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y.

Số lượng Giấy chứng nhận vận chuyển cấp: 02 bản (01 bản lưu tại cơ quan kiểm dịch cửa khẩu, 01 bản gửi chủ hàng).

b) Cách thức thực hiện: *trực tiếp*.

c) Hồ sơ: Văn bản chấp thuận của Cục Thú y và các giấy tờ khác có liên quan.

d) Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm có hồ sơ hợp lệ; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận vận chuyển gửi mẫu bệnh phẩm thủy sản theo mẫu số 18 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

Giấy chứng nhận vận chuyển nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản theo mẫu số 19 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALISTREPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 18 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN GỬI MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN
CERTIFICATE FOR SENDING THE SAMPLE OF AQUATIC ANIMAL FOR DIAGNOSTIC TESTS
Số: ...../CN-GMBPTS
Number:

Tên, địa chỉ người gửi mẫu: .....
Name and address of sender: .....
Tel: ……..Fax: ……Email: ……..…..……..
Tên, địa chỉ người nhận mẫu: .....
Name and address of recipient: .....
Tel: ……Fax: ……Email: ……..…....…….

STT *Number*	Loại mẫu *Type of sample*	Loài động vật thủy sản/ Tên khoa học *Species/Scientific name*	Số lượng *Quantity*
		Tổng số (*Total)*	

Mục đích sử dụng: ……
Use:

Quy cách đóng gói: ……..... Số lượng bao gói: …….....
Type of packaged: *Number of packaged:*

Cửa khẩu xuất: ……..……..... Phương tiện vận chuyển:.....
Declared point of exit: *Means of transport:*

CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:

Số mẫu bệnh phẩm thủy sản trên được bao gói, bảo quản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

The samples aquatic animals for diagnostic tests described above were packaged and preserved meet the veterinary hygiene requirements.

Giấy có giá trị đến: ...../...../..... *Valid up to*	Giấy này làm tại ...……..... ngày ...../...../…….. *Issued at* *on*
Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)* ***Animal Quarantine Officer*** *(Signature, full name)*	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* **DIRECTOR** *(Signature, stamp, full name)*

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu: 19 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN NHẬN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN

Số: ...../CN-NMBPTS

Number:

Tên, địa chỉ người gửi mẫu: .....

.....

Tel: ….……..Fax: …….……Email: ……..…...……...

Tên, địa chỉ người nhận mẫu: .....

.....

Tel: ……Fax: ……Email: ……...…....……

STT	Loại mẫu	Loài động vật thủy sản/ Tên khoa học	Số lượng
		Tổng số (*Total*)	

Mục đích sử dụng: ……

Quy cách đóng gói: ……..... Số lượng bao gói: …….....

Cửa khẩu nhập: ……..……..... Phương tiện vận chuyển:.....

CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

Số mẫu bệnh phẩm thủy sản trên được bao gói, bảo quản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

Giấy có giá trị đến: ...../...../.....	*Giấy này làm tại …….....* *ngày ...../...../……..*
Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

8. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi Cục Thú y có văn bản đồng ý, trước khi hàng đến cửa khẩu chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Thú y quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch để tiến hành kiểm dịch.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 của Luật Thú y.

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Thú y

b) Cách thức thực hiện: Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- *Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;*

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp gửi bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch khi kiểm tra hàng hóa.

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thông báo cho chủ hàng để tiến hành kiểm dịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ việt nam theo mẫu số 12 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-

BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng ..... năm ……..

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,

SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax.....Email .....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:……Ngày cấp…/…/…..Tại……

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Tạm xuất tái nhập

☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)……

☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

1. Nơi sản xuất: .....
2. Loại bao bì, quy cách đóng gói: .....
3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr ...)*: .....
4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu: .....
5. Nước xuất khẩu/ nhập khẩu: ….....
6. Nước quá cảnh *(nếu có)*:…….....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Cửa khẩu nhập: .....
9. Phương tiện vận chuyển: .....
10. Mục đích sử dụng: .....
11. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y: Số …../TY-KDTS, ngày….tháng…..năm……..
12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:….. .....……..
13. Địa điểm nuôi trồng *(nếu có)*: .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Địa điểm giám sát *(nếu có)*: .....
16. Thời gian giám sát: .....
17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....….. giờ, ngày …..... tháng ..…... năm .....…...

Vào sổ số .....…....., *ngày* ..... *tháng* ..... *năm* ……..

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN *(nếu có):*

…….....

……

.....….....

....., ngày …….. tháng ..... năm .....…....

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU .....….....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

Địa chỉ:……..
Address:
Điện thoại:……..Fax:……
Telephone and Fax number:
E.mail: ……..……..

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 12 TS
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN TẠM NHẬP TÁI XUẤT,
CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM
HEALTH CERTIFICATE
FOR THE TEMPORARY IMPORT FOR RE – EXPORT, TRANSPORT OF POINT, TRANSIT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS THROUGH VIET NAM'S TERRITORY
Số: ...../CN-TSTNTX
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....
Name and address of consignor:
…….....…….
Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện): ……..…....……
Name and address of owner of commodity or his representative:
……..……..……

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: …….……
Name and address of final consignee:
……...…….....……..

MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
DESCRIPTION OF THE AQUATIC ANIMAL/AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS

STT *Number*	**Tên thương mại** *Trade name*	**Tên khoa học** *Scientific name*	**Số lượng bao gói** *Number of packaged*	**Số lượng/Trọng lượng** *Quantity/net weight*
			Tổng số (*Total)*	

Nhiệt độ bảo quản/ *Preservation temp.:* Thường/*Ambient* ☐ Ướp lạnh/*Chilled* ☐ Đông lạnh/ *Frozen*☐ Số lượng Container: ……
Number of Containers:

Cửa khẩu nhập: ……..... Cửa khẩu xuất: ……..….
Gate of entry: *Gate of exit:*

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ …..… / ….. / …… đến …… / ….. / …...……..
The duration of transport or storage in Vietnam: From to

Phương tiện vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam: ……Biển kiểm soát……
Means of transport in Vietnamese territory Register number

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATION

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned Aninal Quarantine Officer, certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;
The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật thủy sản khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam/Sản phẩm thủy sản được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú;
Aquatic animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam/The aquatic animal's product/s is/are packaged and stored in accordance with veterinary hygiene requirements;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Waste and related tools have been treated in accordance to requirements;

4/ Phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;
Means of transport meet veterinary hygiene requirements and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAM TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....
Allowed itinerary:
.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển;
Disposal of waste and dead carcasses of aquatic animals during transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy thủy sản có biểu hiện mắc bệnh/sản phẩm thủy sản có biểu hiện hư hỏng;
Any sign of aquatic animals disease/aquatic animal's products decayed shall be reported to the nearest Veterinary agency authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.
Obey the stipulation of Veterinary ordinance during transport in Vietnamese territory.

Cấp tại:…….
Place of issue:

Giấy có giá trị đến: ……/……/……..
Valid up to

Ngày cấp:...../...../…….....
Date of issue:

Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỬA KHẨU XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT THE GATE OF EXIT

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

……., ngày...../...../……....
Place and Date

Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

9. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi Cục Thú y có văn bản đồng ý, trước khi hàng đến cửa khẩu chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch cho cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa nhập vào kho ngoại quan như sau:

- Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển để chủ hàng vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan;

- Tại kho ngoại quan, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan kiểm tra thực trạng lô hàng, xác nhận để chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

Bước 3: Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan chủ hàng phải gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 4: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa xuất ra khỏi kho ngoại quan như sau:

- Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đối với động vật, sản phẩm động vật thuỷ sản tiêu thụ trong nước;

- Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 Luật Thú y đối với động vật, sản phẩm động vật thuỷ sản gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu.

Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản sao chụp vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trong trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước) hoặc giao lại cho chủ hàng (trong trường hợp hàng tái xuất khẩu).

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

1) Khai báo trước khi hàng đến cửa khẩu

- *Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;*

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp gửi bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch khi kiểm tra hàng hóa.

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

2) Khai báo trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan

- *Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT*;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp nộp bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu khi kiểm tra hàng

hóa.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thông báo cho chủ hàng để tiến hành kiểm dịch;

- Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu quy định tại mẫu 10 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam quy định tại mẫu 12 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng ..... năm ……....

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,

SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....….....

Địa chỉ: .....….....

Điện thoại: ..... Fax.....Email .....….....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:……Ngày cấp…/…/…..Tại……

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Tạm xuất tái nhập

☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)……

☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

1. Nơi sản xuất: .....
2. Loại bao bì, quy cách đóng gói: .....
3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr ...)*: .....
4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu: .....
5. Nước xuất khẩu/ nhập khẩu: .....
6. Nước quá cảnh *(nếu có)*:…….....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Cửa khẩu nhập: .....
9. Phương tiện vận chuyển: .....
10. Mục đích sử dụng: .....
11. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y: Số …../TY-KDTS, ngày….tháng…..năm……..
12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:….. .....…….
13. Địa điểm nuôi trồng *(nếu có)*: .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Địa điểm giám sát *(nếu có)*: .....
16. Thời gian giám sát: .....
17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....….. giờ, ngày …..... tháng ..….... năm .....…...

Vào sổ số .....…....., *ngày* ..... *tháng* ..... *năm* ……....

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN *(nếu có):*

…….....

……

.....….....

....., ngày …….. tháng ..... năm .....…....

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU .....….....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 09 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THUỶ SẢN NHẬP KHẨU
Số: ...../CN-VCTSNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....…….....….....
Địa chỉ giao dịch:.....…….....
Điện thoại: ..... Fax: .....Email: …….....
Nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm(1)	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:……..……
Quy cách đóng gói/bảo quản: ……Số lượng bao gói: .....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: ….....

.....
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:……
……
Vùng/nước xuất khẩu: ...../.....Nước quá cảnh:.....….....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: .....….....Thời gian nhập:...../…..../….....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....….....
.....

CHỨNG NHẬN

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Thực trạng sức khỏe động vật thủy sản/điều kiện vệ sinh thú y của sản phẩm thủy sản khi nhập khẩu:……
3.Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ .....
4. Được phép vận chuyển số hàng trên về:……
Địa chỉ:…….. .....…….....
.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số hàng trên phải được vận chuyển đến địa điểm nêu trên trước ngày ..…../ …./ …….....
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình: .....….....
.....
3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển.

Giấy có giá trị đến …...../…....../……..	*Cấp tại ....., ngày …....../…...../……..*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Kích thước cá thể đối với thuỷ sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thuỷ sản.

TÊN CƠ QUAN **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**		**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu: 10 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU
Số: ...../CN-TSNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: …….…….…….
Địa chỉ giao dịch: …….…….
Điện thoại: …… Di động: …… Fax: …….……..
Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm (1)	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:…….…….....…….……
Quy cách đóng gói/bảo quản: …….……..Số lượng bao gói: .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: ….....
.....
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:……
……
Vùng/nước xuất khẩu: ...../..... Nước quá cảnh:.....….....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: .....….....Thời gian nhập:...../…..../….....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....…….
.....
Nơi chuyển đến: ...…….....…….....
.....……..... …….....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên:
1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;
2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:
...../……..…ngày...../...../…..... của ……*(2)*…..…… (*gửi kèm bản sao, nếu có)*.
4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau: ……..……
……
5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....……..…….....nồng độ ..…….....

Giấy có giá trị đến ngày …...../...../…….. *Cấp tại ....., ngày ...../...../….....*

Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thuỷ sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thuỷ sản;
- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION
Địa chỉ:……..
Address:
Điện thoại:……..Fax:……
Telephone and Fax number:
E.mail: ……..……..

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 12 TS
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM
HEALTH CERTIFICATE
FOR THE TEMPORARY IMPORT FOR RE – EXPORT, TRANSPORT OF POINT, TRANSIT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS THROUGH VIET NAM'S TERRITORY
Số: ...../CN-TSTNTX
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....
Name and address of consignor:
…….....……

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện): ……..…....……
Name and address of owner of commodity or his representative:
……..……..……....……
Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: ……..……
Name and address of final consignee:
……...……....……..

MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
DESCRIPTION OF THE AQUATIC ANIMAL/AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS

STT *Number*	**Tên thương mại** *Trade name*	**Tên khoa học** *Scientific name*	**Số lượng bao gói** *Number of packaged*	**Số lượng/Trọng lượng** *Quantity/net weight*
			Tổng số (*Total)*	

Nhiệt độ bảo quản/ *Preservation temp.:* Thường/*Ambient* ☐ Ướp lạnh/*Chilled* ☐ Đông lạnh/ *Frozen*☐ Số lượng Container: …… *Number of Containers:*
Cửa khẩu nhập: ……..... *Gate of entry:* Cửa khẩu xuất: ……..…. *Gate of exit:*
Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ …..… / ….. / …… đến …… / ….. / …...……..
The duration of transport or storage in Vietnam: From to
Phương tiện vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam: ……Biển kiểm soát……
Means of transport in Vietnamese territory Register number

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATION

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned Aninal Quarantine Officer, certifies that:
1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;
The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;
2/ Động vật thủy sản khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam/Sản phẩm thủy sản được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú;
Aquatic animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam/The aquatic animal's product/s is/are packaged and stored in accordance with veterinary hygiene requirements;
3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Waste and related tools have been treated in accordance to requirements;
4/ Phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;
Means of transport meet veterinary hygiene requirements and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAM TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....
Allowed itinerary:
.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển;
Disposal of waste and dead carcasses of aquatic animals during transport is prohibited;
3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy thủy sản có biểu hiện mắc bệnh/sản phẩm thủy sản có biểu hiện hư hỏng;
Any sign of aquatic animals disease/aquatic animal's products decayed shall be reported to the nearest Veterinary agency authority;
4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of Veterinary ordinance during transport in Vietnamese territory.

Cấp tại:…….
Place of issue:

Giấy có giá trị đến: ……/……/……..
Valid up to

Ngày cấp:...../...../…….....
Date of issue:

Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỬA KHẨU XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT THE GATE OF EXIT

……
……...……
……
……...……
……
……...……
……
……...……
……
……
……
……
……

……., ngày...../...../……....
Place and Date

Kiểm dịch viên động vật *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*